

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **359** /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 10/8/2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Trọng Đức**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật** và ông **Nguyễn Đại Huy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyển** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Hưng** – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/TB-TA ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phùng Văn L, sinh năm 1980

- Bị đơn: Phùng Thị L1, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã PĐ, huyện BV, TP. Hà Nội

(Anh L có mặt, chị L1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị anh Phùng Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Phùng Thị L1 ngày 09/10/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PĐ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn

trầm trọng, kéo dài, không giải quyết được. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 06/2021 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L1.

Về con chung: Anh L xác nhận có 04 con chung là Phùng Thị Ngọc L2, sinh ngày 03/8/2003, Phùng Đức M, sinh ngày 20/8/2005, Phùng Thị Ngọc L3, sinh ngày 15/7/2014, Phùng Thị Lan C, sinh ngày 29/3/2016. Hiện cháu L2 đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Cháu M, cháu L3, cháu C đang ở với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả ba cháu cháu M, cháu L3, cháu C đến trưởng thành và không yêu cầu chị L1 phải trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã rất nhiều lần gửi văn bản tố tụng và triệu tập chị L1 đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng chị L1 không đến.

Quá trình xác minh, ông Phùng Văn K (bố đẻ chị L1) trình bày: Anh L trình bày về thời gian kết hôn, nơi chung sống là đúng. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì anh L, chị L1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, anh L chơi bời, đánh đập vợ. Anh L, chị L1 ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Quan điểm của chị L1 là muốn ly hôn nhưng do điều kiện công việc nên chị L1 không đến Tòa án làm việc được. Ông K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L ly hôn chị L1. Về con chung như anh L trình bày là đúng. Ông có cùng quan điểm với anh L, giao cả ba cháu M, L3, C cho anh L nuôi dưỡng và tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung cho chị L1. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Ông không nắm được.

* Tại phiên tòa: Anh L vẫn giữ nguyên quan điểm.

* **Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho anh L được ly hôn với chị L1.

+ Về con chung: có 04 con chung là Phùng Thị Ngọc L2, sinh ngày 03/8/2003, Phùng Đức M, sinh ngày 20/8/2005, Phùng Thị Ngọc L3, sinh ngày 15/7/2014, Phùng Thị Lan C, sinh ngày 29/3/2016. Hiện cháu L2 đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Giao ba cháu M, cháu L3, cháu C cho anh L nuôi dưỡng đến trưởng thành và tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung đối với chị L1.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị L1 là bị đơn có HKTT tại xã PD, huyện Ba Vì, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Chị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh L và chị L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 01/2022, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho anh L được ly hôn chị L1.

[3] Về con chung: Anh L và chị L1 có 04 con chung là Phùng Thị Ngọc L2, sinh ngày 03/8/2003, Phùng Đức M, sinh ngày 20/8/2005, Phùng Thị Ngọc L3, sinh ngày 15/7/2014, Phùng Thị Lan C, sinh ngày 29/3/2016. Hiện cháu L2 đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần do đó không đặt ra vấn đề người nuôi dưỡng. Đối với ba cháu M, cháu L3, cháu C hiện đang ở ổn định cùng anh L, được anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu trên 7 tuổi đều có nguyện vọng ở với bố. Vì lợi ích của con, giao cả ba cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung do vậy tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung đối với chị L1 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L1 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét

[5] Về án phí: Anh L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn L được ly hôn chị Phùng Thị L1.

2. Về con chung: Anh L và chị L1 có 04 con chung là Phùng Thị Ngọc L2, sinh ngày 03/8/2003, Phùng Đức M, sinh ngày 20/8/2005, Phùng Thị Ngọc L3, sinh ngày 15/7/2014, Phùng Thị Lan C, sinh ngày 29/3/2016. Hiện cháu L2 đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Giao ba cháu cháu M, cháu L3, cháu C cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L1 cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị L1 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0060169 ngày 22/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã PD;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Đức

